CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
**TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số (*N°*): **10270/NVICC18-01/26-00**

# GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KIỂU LOẠI Ô TÔ SẢN XUẤT, LẮP RÁP

*TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR AUTOMOBILES*

*Cấp theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải*

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số: **13056/26/AH** Ngày **24/09/2026**
*Pursuant to the Technical document N°* *Date*

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: **QCVN 09 : 2024/BGTVT**
*Standard, regulation applied*

Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá đảm bảo chất lượng số: **430163/430248/01/26/01** Ngày **08/08/2026**
*Pursuant to the results of COP examination record N°* *Date*

Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm tra, thử nghiệm số: **1502/BCTN-TO/26** Ngày **21/09/2026**
*Pursuant to the results of Testing report N°* *Date*

**TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT CHỨNG NHẬN**
National Vehicle Inspection and Certification Center hereby approves that

Nhóm phương tiện *(Vehicle Category)*: **Ô tô tải thông dụng**
Loại phương tiện *(Vehicle Type)*: **Ô tô tải VAN**
Mức độ điện hóa *(Degree of Electrification)*: **Xe điện chạy bằng pin điện thuần điện (BEV)**
Nhãn hiệu *(Trademark)*: **THACO** Tên thương mại *(Commercial Name)*: **TOWNER E**
Mã kiểu loại *(Model Code)*: **T027A31R075**
Mã số khung *(Frame number code)*: **RNHV27TVA*T******
Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*: **1575** kg
Phân bố khối lượng bản thân lên các trục *(Distribution on axles)*: **720 / 855** kg
Số người cho phép chở không kể người lái (ngồi + đứng + nằm + xe lăn) *(Seating capacity excluding driver)*: **01 (01+0 +0 +0)** người
Khối lượng chuyên chở thiết kế lớn nhất /cho phép lớn nhất *(Max. Design/ Authorized pay mass)*: **945** / **945** kg
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế/ cho phép lớn nhất *(Max. Design/ Authorized total mass)*: **2650** / **2650** kg
Phân bố khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất lên các trục *(Max. Authorized total mass Distribution on axles)*: **980 / 1670** kg
Phân bố khối lượng toàn bộ theo thiết kế lên các trục *(Max. Design mass distribution on axles)*: **980 / 1670** kg
Khối lượng kéo theo theo thiết kế lớn nhất/cho phép lớn nhất *(Max.Towed mass: Design/Authorized)*: --- / --- kg
Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao)*(Overall dimensions: L x W x H)*: **4800** x **1690** x **2000** mm
Kích thước lòng thùng chở hàng/bao ngoài xi téc: *(Inside cargo/Outside of tank:L x W x H)* **2930**/--- x **1505/1150** x **1340**/--- mm
Số trục xe *(Quantity axles)*: **2** Khoảng cách trục *(Wheel space)*: **3135** mm
Công thức bánh xe *(Drive configuration)*: **4 x 2** Vết bánh xe các trục *(Axles track)*: **1442 / 1455** mm
Ký hiệu; loại động cơ điện 1 *(Engine model, Type 1)*: **TZ180XS146; đồng bộ 03 pha, nam châm vĩnh cửu, làm mát bằng chất lỏng**
Công suất lớn nhất của động cơ điện *(Max.electric motor rated power)*: **75** kW
Loại ắc quy/ Điện áp - Dung lượng *(Battery type/Voltage-capacity)*: **Lithium ion - 334.88V - 41.86kWh**
Số lượng; Cỡ lốp: Trục 1: **02; 195/70R15** Trục 2: **02; 195/70R15** Trục 3: ---
*(Qty; Tyre size)* Trục 4: --- Trục 5: --- Trục 6: ---
Hệ thống lái *(Driver system)*: **Bánh răng - Thanh răng; Cơ khí có trợ lực điện**
Hệ thống phanh chính *(Service braking system)*: **Phanh đĩa/ Tang trống; Thủy lực trợ lực chân không**
Hệ thống phanh đỗ xe *(Parking braking system)*: **Tang trống; Bánh xe trục 2; Cơ khí + điện**
Phương tiện giao thông thông minh *(Intelligent Motor Vehicle)*: **Không**
Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: **CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT VÀ LẮP RÁP XE TẢI THACO**
*(Name and address of manufacturer)* **KCN Cơ khí Ô tô Chu Lai Trường Hải, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp: **CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT VÀ LẮP RÁP XE TẢI THACO**
*(Name and address of assembly plant)* **KCN Cơ khí Ô tô Chu Lai Trường Hải, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
Kiểu loại xe nói trên thỏa mãn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia *(The product is in compliance with the)* **QCVN 09 : 2024/BGTVT.**
Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày *(This certificate is valid until)*: **30/09/2029**

*Hà Nội, ngày* **30** *tháng* **09** *năm* **2026**
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM** ***(Director)***

BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

**Đỗ Văn Kha**